

PHỤ LỤC 6D

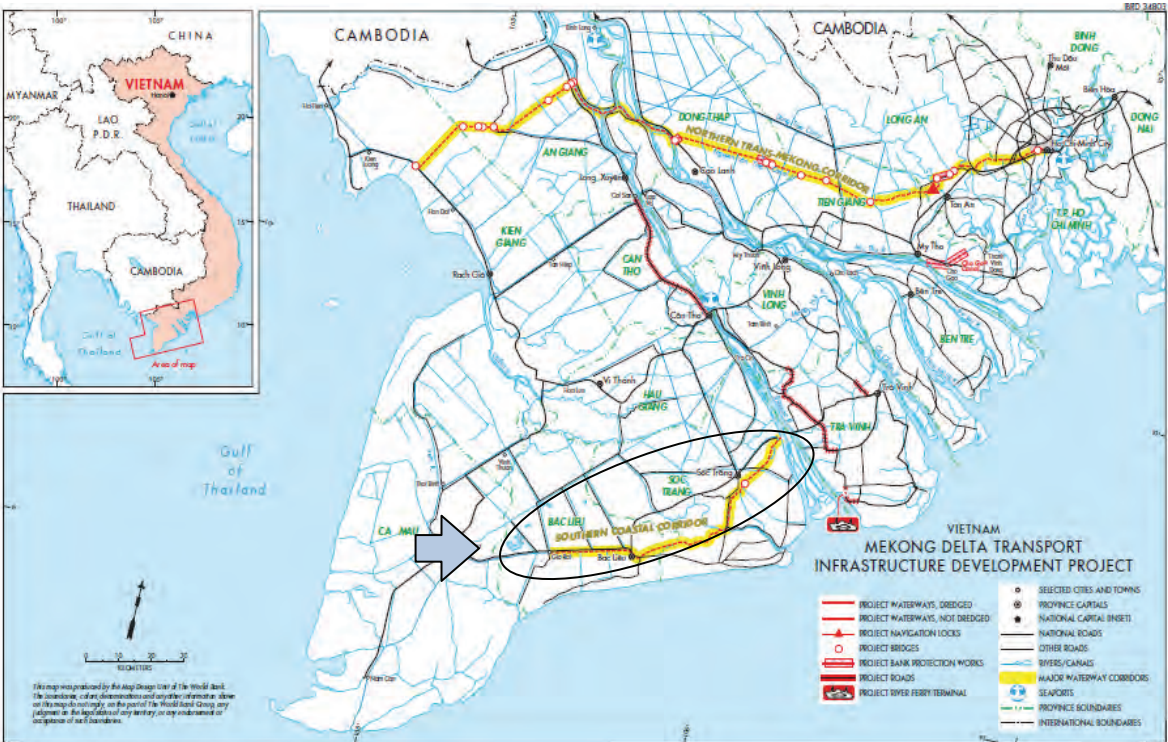
Hồ sơ các dự án quy hoạch đường thủy nội địa

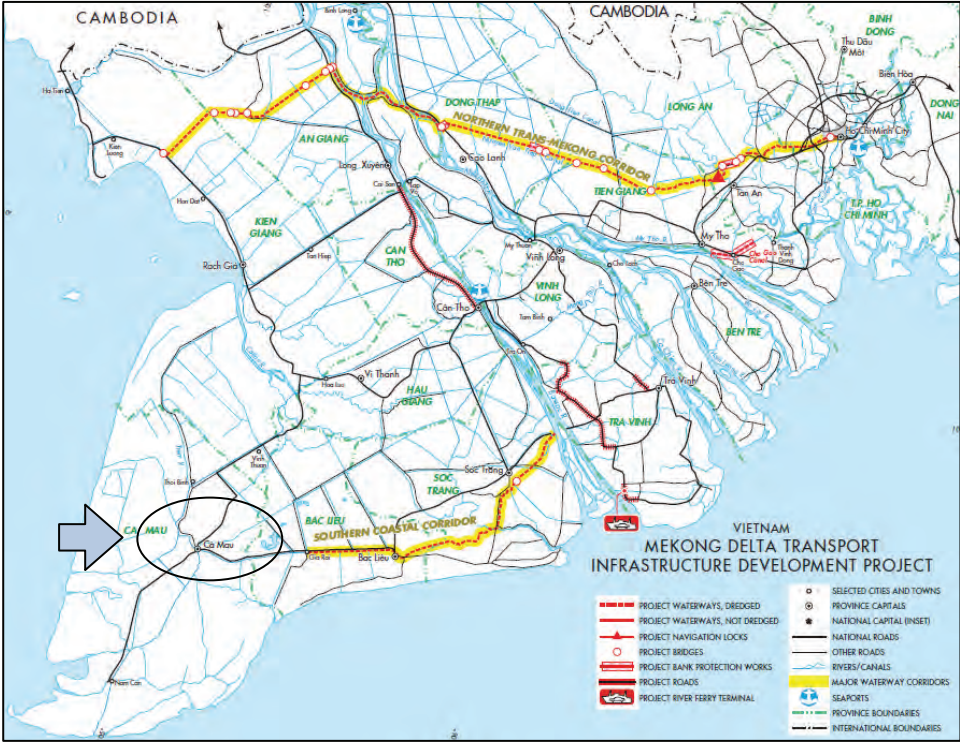
PHỤ LỤC 6D


Hồ sơ các dự án quy hoạch đường thủy nội địa


A. Hồ sơ các dự án đã hoàn thành và đang thực hiện

Tên dự án: Nâng cấp hệ thống hành lang ngang kết nối phía Bắc sông Mê Kông (Cấp III) (253km)	Chuyên ngành: CW01
Cơ sở và mục tiêu dự án: Hiện tại, không có hành lang nào đáp ứng được vận tải hàng hóa xuyên suốt, việc cải tạo sẽ giúp nâng cao khả năng tiếp cận toàn bộ khu vực, giải quyết tắc nghẽn trên hành lang chính, giảm chi phí vận tải và phát triển kinh tế của tỉnh.	
Mô tả dự án: (i) Nâng tiêu chuẩn (lên cấp III/tàu 300DWT) và kết nối ngang phía Bắc hệ thống sông Mekong (253km): (253km), bao gồm: Nạo vét, bảo vệ đê, vũng tàu, cải tạo cầu, thông thuyền 24h, công việc này là một phần trong Dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải khu vực ĐB SCL. (ii) Hợp phần chính của dự án: Nạo vét, bảo vệ đê, cải tạo và xây dựng cầu, nâng cao hệ thống cảnh báo, xây dựng vũng tàu và Cảng Tân Châu.	
Kinh phí dự toán (2009): 99,3 triệu USD (bao gồm CW02)	Kế hoạch ban đầu: 2009 - 2015
Nguồn tài chính: NHTG (WB), Việt Nam	Cơ quan thực hiện: Cục đường thủy nội địa

<p>Tên dự án: Phát triển hành lang ven biển phía Nam (Cấp III) (153km)</p>	<p>Chuyên ngành: CW02</p>
<p>Cơ sở và mục tiêu dự án: Việc cải tạo giúp nâng cao khả năng tiếp cận toàn khu vực, giải quyết tắc nghẽn trên hành lang chính, giảm chi phí vận tải và hỗ trợ phát triển kinh tế của tỉnh</p>	
<p>Mô tả dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Nâng cấp tiêu chuẩn (lên Cấp III/tàu 300DWT) và kết nối mạng lưới kênh rạch sông ngòi trên hàng lang ven biển phía nam (153km) (ii) Vị trí: Gia Rai-Bạc Liêu-Đại Ngãi (103km) và kênh chợ Gạo (50km) (iii) Hợp phần chính: nạo vét, bảo vệ đê, cải tạo cầu, vũng tàu, hỗ trợ dẫn luồng để đảm bảo thông thuyền 24h. Đây là một trong những hợp phần phát triển hạ tầng giao thông ở đồng bằng sông Cửu Long. <p>Cấp kênh mục tiêu: Cấp III Tàu đáp ứng: 300DWT,</p> 	
<p>Kinh phí dự toán (2009): 99,3 triệu USD (bao gồm CW01)</p>	<p>Kế hoạch: 2009–2015</p>
<p>Nguồn tài chính: NHTG, Việt Nam</p>	<p>Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa</p>

<p>Tên dự án: Cải tạo các nhánh kênh khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (Cấp IV) (58km)</p>	<p>Chuyên ngành: CW03</p>
<p>Cơ sở và mục tiêu dự án: Phát triển hạ tầng đồng bằng sông Cửu Long</p>	
<p>Mô tả dự án:</p> <p>(i) Nâng cấp hai nhánh kênh với tổng chiều dài 58 km ở An Giang và Cà Mau lên cấp IV, đồng thời mở rộng và nạo sâu, bảo vệ kè, nâng tính không cầu và hỗ trợ dẫn luồng, đây là một trong hợp phần của Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.</p> 	
<p>Kinh phí dự toán (2009): 8,5 triệu USD</p>	<p>Kế hoạch: 2009–2015</p>
<p>Nguồn tài chính: NHTG, Áo</p>	<p>Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa</p>

Tên dự án: Phát triển hành lang Đông Tây phía Bắc khu vực đồng bằng Bắc Bộ (Cấp II) (Tuyến Việt Trì – Quảng Ninh) (280km)	Chuyên ngành: CW04
Cơ sở và mục tiêu dự án: Nâng cấp tiêu chuẩn và kết nối mạng lưới kênh rạch	
Mô tả dự án: (i) Nâng cấp tiêu chuẩn (Cấp II, sà lan 4X400DWT) và kết nối mạng lưới kênh rạch hành lang phía Bắc từ Đông sang Tây giữa Việt Trì và Quảng Ninh (280km): Nạo vét, chỉnh đốn cong chỗ nước nông, bảo vệ đê, hỗ trợ thông thuyền, tĩnh không, là hợp phần của Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực phía Bắc. (ii) Hợp phần chính là xây mới cầu tàu, công trình kho bãi và bãi phơi lúa. 	
Kinh phí dự toán (2009): 59,8 triệu USD	Kế hoạch: 2010–2015
Nguồn tài chính: NHTG, Việt Nam	Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa

Tên dự án: Cải tạo hành lang Bắc Nam phía Tây khu vực Đồng bằng Bắc bộ (Cấp I) (295km)	Chuyên ngành: CW05
Cơ sở và mục tiêu dự án: Cải tạo đường thủy nội địa vận chuyển hàng hóa và nguyên vật liệu phục vụ công nghiệp đóng tàu	
Mô tả dự án: (i) Nâng cấp tiêu chuẩn (Cấp I) và tạo sự kết nối ở hành lang Bắc Nam phía Tây giữa Hà Nội và Sơn Ninh Cơ (259km): Nạo vét, chỉnh đốn cong chỗ nước nông, bảo vệ đê, hỗ trợ thông thuyền, tĩnh không, đây là hợp phần của Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực phía Bắc. (ii) Tiếp nhận tàu: Tàu đi biển lên tới 1000DWT khu vực Hà Nội và tàu 3000DWT khu vực cảng Nam Định và Ninh Phúc. (iii) Các hợp phần chính của dự án: Nạo vét, cắt đốn cong, mở rộng bán kính, bảo vệ đê kè, chỗ nước nông, hỗ trợ dẫn luồng, tĩnh không.	
	
Kinh phí dự toán (2009): 6,5 triệu USD	Kế hoạch: -2015 Giai đoạn 1 – Đang thi công Giai đoạn 2 – được CP phê duyệt và đang chuẩn bị thầu
Nguồn tài chính: NHTG, Việt Nam	Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa


Tên dự án: Cải tạo cửa sông Ninh Cơ	Chuyên ngành: CW06
---	------------------------------

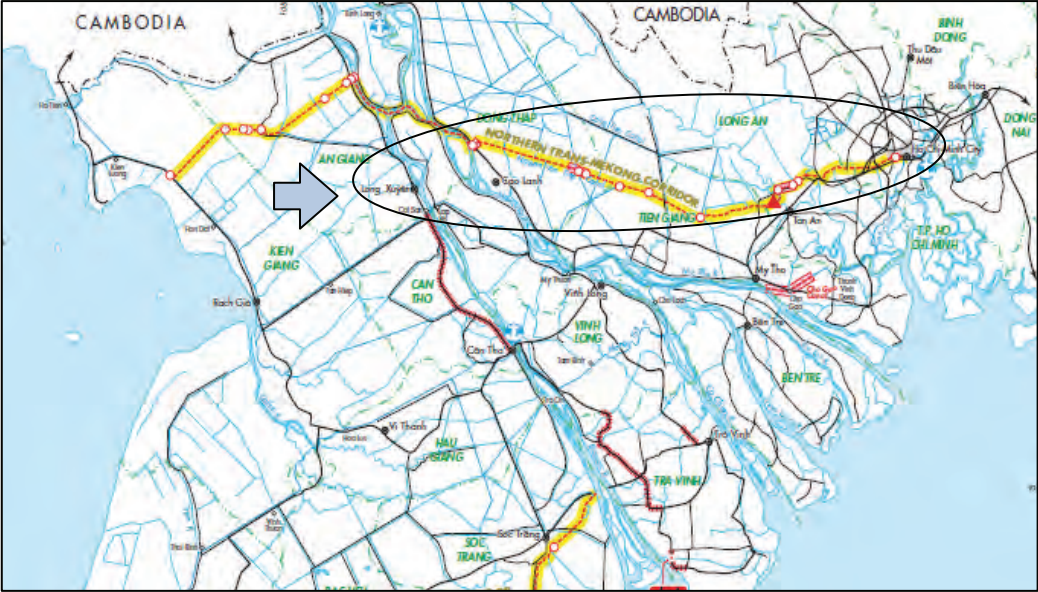
Cơ sở và mục tiêu dự án:
 Kết nối các tỉnh khu vực đông bắc phục vụ chở than từ Quảng Ninh


Mô tả dự án:
 (i) Cải tạo luồng qua cửa sông Ninh Cơ để tiếp nhận tàu 3000DWT, bao gồm: Nạo vét, xây đê chắn sóng, chỗ neo đậu tàu, bảo vệ đê kè, huấn luyện đào tạo về đường sông /Cửa sông Ninh Cơ, hợp phần Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực phía Bắc.




Kinh phí dự toán (2009): 63,7 triệu USD (bao gồm CW07)	Kế hoạch: 2008–2015
Nguồn tài chính: NHTG, Việt Nam	Cơ quan thực hiện: Cục đường thủy nội địa

Tên dự án: Kênh nối sông Đáy và sông Ninh Cơ	Chuyên ngành: CW07
Cơ sở và mục tiêu dự án: Tránh bãi cạn sa bồi ở cửa sông Ninh Cơ	
Mô tả dự án: (i) Cải tạo kênh nối sông Ninh Cơ và sông Đáy: Nạo vét kênh, xây đê chắn sóng, chỗ neo đậu thuyền, bảo vệ đê, huấn luyện đào tạo về đường sông/giữa sông Ninh Cơ và sông Đáy, đây là hợp phần của dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng bắc bộ. Mục tiêu nâng cấp để tiếp nhận tàu 3000 DWT. (ii) Các hợp phần chính là nạo vét, xây đê chắn sóng bảo vệ, đào đá để thông luồng: 188m chiều dài và 15m chiều rộng và kết hợp bảo vệ đê.	
	
Kinh phí dự toán (2009): 63,7 triệu USD (bao gồm CW06)	Kế hoạch: 2008-2015
Nguồn tài chính: NHTG, Việt Nam	Cơ quan thực hiện: Cục đường thủy nội địa

Tên dự án: Phát triển đường thủy nội địa Sài Gòn – Đồng Tháp – Long Xuyên	Chuyên ngành: CW08
Cơ sở và mục tiêu dự án: Cải tạo đường thủy	
Mô tả dự án: (i) Cải tạo đường thủy khu vực Sài Gòn – Đồng Tháp – Long Xuyên Mục tiêu nâng cấp kênh lên cấp III. (ii) Hợp phần chính của dự án bao gồm nạo vét, lắp đặt hệ thống dẫn luồng và hiện đại hóa hệ thống dẫn luồng.	
	
Kinh phí dự toán (2009): 4.4 triệu USD	Kế hoạch: Chưa cập nhật
Nguồn tài chính: Việt Nam	Cơ quan thực hiện: Cục đường thủy nội địa

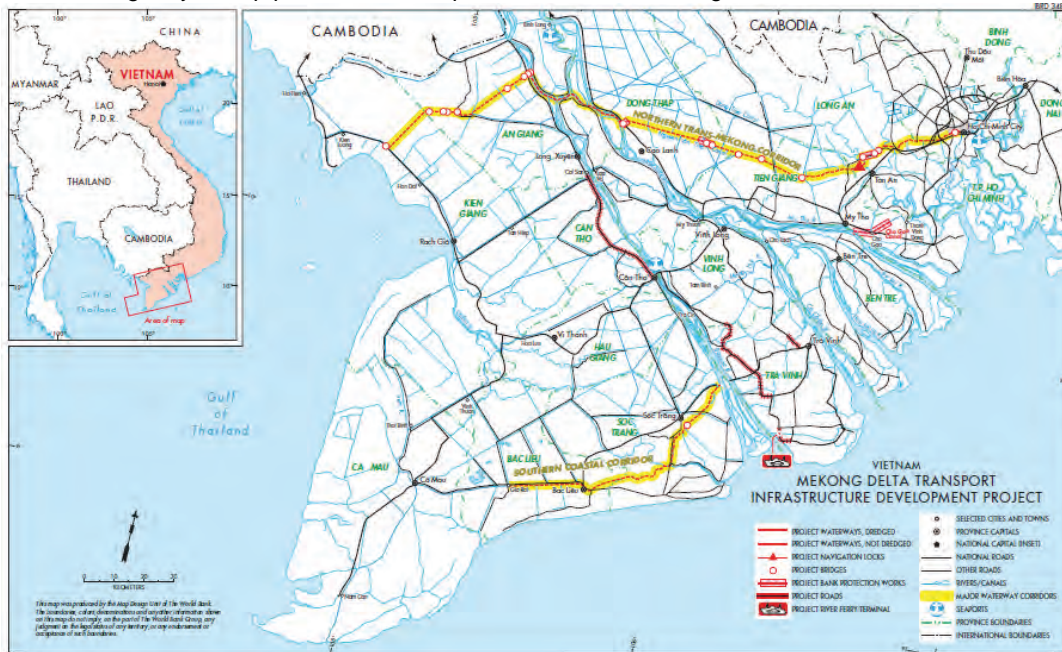
Tên dự án: Cải tạo cảng Việt Trì	Chuyên ngành: CW10
Cơ sở và mục tiêu dự án: Cảng Việt Trì nằm trên sông Lô gần ngã ba giao với sông Hồng. Với vị trí thuận lợi, cảng Việt Trì là điểm nút giao thông liên phương thức kết hợp giao thông đường bộ và đường sắt. Cơ sở vật chất hiện tại của cảng còn rất nghèo nàn. Các công trình trang thiết bị mới sẽ được đưa và sử dụng để thử nghiệm phương thức quản lý tổ chức mới cùng với một loạt các hỗ trợ cải tạo nhằm nâng cao năng lực và cải thiện phương thức xếp dỡ đáp ứng tiêu chuẩn môi trường cho phép.	
Mô tả dự án: (i) Đưa công trình trang thiết bị mới (như cầu tàu, khu vực kho bãi chứa, đường vào cảng, công trình xử lý chất thải) vào cảng Việt Trì phục vụ kết nối với các cảng biển khu vực phía Bắc cũng như miền Trung/Nam/Cảng Việt Trì, đây là hợp phần của Dự án giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc bộ.  <p>The map displays the northern region of Vietnam, highlighting provinces such as Tuyen Quang, Thai Nguyen, Lang Son, Vinh Phuc, Bac Giang, Quang Ninh, Hanoi, Bac Ninh, Hung Yen, Hai Duong, Hai Phong, Hoa Binh, Ha Tay, Ha Nam, Thai Binh, Thanh Hoa, Nam Dinh, and Ninh Binh. The Red River (Sông Hồng) is shown flowing through the region. A blue arrow points to the location of Viet Tri (Việt Trì) on the river, which is marked with a red star and labeled 'VIỆT TRÌ PORT'. An inset map shows the location of Vietnam within Southeast Asia.</p>	
Kinh phí dự toán (2009): 4.3 triệu USD	Kế hoạch: 2008–2015
Nguồn tài chính: Việt Nam	Cơ quan thực hiện: Cục đường thủy nội địa

Tên dự án: Cải tạo cảng Ninh Phúc	Chuyên ngành: CW11
<p>Cơ sở và mục tiêu dự án:</p> <p>Cảng Ninh Phúc được xây dựng từ năm 1992 để thay thế cảng Ninh Bình cũ, nằm gần thành phố phục vụ xếp dỡ hàng hóa khối lượng lớn dọc theo các phố hẹp của thành phố.</p> <p>Đường đến cảng tương đối thuận lợi (Quốc lộ 1) và đường sắt đóng vai trò liên phương thức cho hệ thống giao thông vận tải khu vực này. Vị trí của cảng nằm gần một số nhà máy xi măng và trạm điện cao áp. Các công trình trang thiết bị mới của cảng Ninh Phúc sẽ được đưa và sử dụng để thử nghiệm phương thức quản lý tổ chức mới và hỗ trợ một loạt các cải tạo nhằm nâng cao năng lực và cải thiện các phương pháp xếp dỡ để đáp ứng tiêu chuẩn môi trường cho phép.</p>	
<p>Mô tả dự án:</p> <p>(i) Đưa công trình trang thiết bị mới (như cầu tàu, khu vực kho bãi chứa, đường vào cảng, công trình xử lý chất thải) vào cảng Ninh Phúc phục vụ kết nối với các cảng biển khu vực phía Bắc cũng như miền Trung/Nam/Cảng Ninh Phúc, đây là hợp phần của Dự án giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc bộ.</p> 	
Kinh phí dự toán (2009): 2,8 triệu USD	Kế hoạch: 2010–2015
Nguồn tài chính: Việt Nam	Cơ quan thực hiện: Cục đường thủy nội địa

Tên dự án: Đầu tư cơ sở vật chất cảng tại các tỉnh ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long	Chuyên ngành: CW12
---	-------------------------------------

Cơ sở và mục tiêu dự án:
 Thử nghiệm cơ chế quản lý tổ chức mới và hỗ trợ cải tạo cơ sở vật chất nhằm cải thiện kết nối liên phương thức.

Mô tả dự án:
 Thực hiện đầu tư vào cơ sở vật chất cảng tại các tỉnh và bến nội thủy khu vực nông thôn và đường tiếp cận tới cảng, đây là hợp phần của Dự án phát triển kết cấu hạ tầng khu vực ĐBSCL



Kinh phí dự toán (2009): Chưa cập nhật	Kế hoạch: -2015
Nguồn tài chính: Chưa cập nhật	Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa

Tên dự án: Đầu tư bến tàu phà nhỏ	Chuyên ngành: CW13
--	-------------------------------------

Cơ sở và mục tiêu dự án:
 Đường bộ vào các phà đò ngang thường nguy hiểm và gây tai nạn chết người. Do đó, dự án này sẽ hỗ trợ thực hiện và triển khai khung tiêu chuẩn cho việc quy hoạch, thiết kế và khai khác các bến đò ngang quy mô khác nhau.

Mô tả dự án:
 Cải tạo thử nghiệm 15 – 20 bến tàu phà hỗ trợ thực hiện và khai thác, đây là hợp phần của Dự án phát triển cơ sở giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc bộ.

Kinh phí dự toán (2009): 4,6 triệu USD	Kế hoạch: -2015
Nguồn tài chính: NHTG, Việt Nam	Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa

Tên dự án: Cải tạo thể chế đường thủy nội địa khu vực ĐB SCL		Chuyên ngành: CW14
Cơ sở và mục tiêu dự án: Hỗ trợ các cơ quan trực thuộc bộ giao thông vận tải nâng cao hiệu quả của giao thông vận tải đa phương thức.		
Mô tả dự án: (i) Hỗ trợ phát triển quy hoạch và chính sách nhà nước đối với vận tải đa phương thức (ii) Rà soát lại các khuyến cáo trong báo cáo về quy định đối với vận tải đa phương thức năm 2006 và hỗ trợ kế hoạch hành động chung. (iii) Củng cố năng lực hoạch định chính sách phát triển và tổ chức khai thác đối với giao thông vận tải đa phương thức.		
Kinh phí dự toán (2009): 1,6 triệu USD	Kế hoạch: 2008–2015	
Nguồn tài chính: NHTG (WB)	Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa	

Tên dự án: Phát triển thể chế đường thủy nội địa khu vực đồng bằng Bắc bộ		Chuyên ngành: CW15
Cơ sở và mục tiêu dự án: Dự án này hỗ trợ Cục đường thủy nội địa và Bộ GTVT trong việc tổ chức khung phát triển theo MDTIDP nhằm quy hoạch và quản lý đường thủy nội địa và các cảng thủy nội địa		
Mô tả dự án: Phát triển thể chế đường thủy nội địa khu vực đồng bằng Bắc bộ (i) Hỗ trợ cải thiện công tác quản lý cảng, bến nội thủy, đò ngang dựa trên khung phát triển của MDTIDP (ii) Tăng cường công tác bảo trì thông qua thí điểm cơ chế bảo trì mới như hình thức dựa trên hiệu quả thực hiện (iii) Củng cố vai trò giám sát và tham gia qua quần chúng đối với các hoạt động của dự án.		
Kinh phí dự toán (2009): 5,1 triệu USD	Kế hoạch: –2015	
Nguồn tài chính: NHTG	Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa	

Tên dự án: Dự án bảo trì thí điểm		Chuyên ngành: CW16
Cơ sở và mục tiêu dự án: Nâng cao công tác bảo trì toàn bộ hệ thống luồng và thực hiện các hình thức bảo trì khác nhau		
Mô tả dự án: (i) Nâng cao công tác bảo trì toàn bộ hệ thống luồng lạch để đảm bảo phát triển bền vững các hành lang trong tương lai. (ii) Thực hiện các hình thức bảo trì khác nhau như “thí điểm”, đây là hợp phần của Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc bộ.		
Kinh phí dự toán (2009): 1,0 triệu USD	Kế hoạch: 2008–2015	
Nguồn tài chính: NHTG	Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa	

B. Hồ sơ các dự án đề xuất

Tên dự án: Nâng cấp tuyến Hải Phòng/Quảng Ninh – Hà Nội (Cấp II) (166km)			Chuyên ngành: W01						
Cơ sở và mục tiêu dự án: Cải tạo hành lang đông tây khu vực phía Bắc từ Quảng Ninh đến Hà Nội									
Mô tả dự án: Tuyến này đi từ Hải phòng đến Hà Nội dọc theo sông Kinh Thầy hay sông Kinh Môn. Vai trò của tuyến như sau: (i) Kết nối hệ thống sông Thái Bình và hệ thống sông Hồng thông qua sông Đuống và sông Luộc (ii) Vận chuyển cát, đá, sỏi để san lấp, nhiên liệu cho nhà máy xi măng Hải Phòng, Hoàng Thạch. Mục tiêu nâng cấp luồng đạt loại II, bề rộng, độ sâu trên 2m và tiếp nhận tàu trọng tải 4 x 400DWT.									
STT	Tuyến	Chiều dài (km)	Cấp		Bề rộng		Độ sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Dự kiến	Hiện tại	Dự kiến	
N1-1	Quảng Ninh – Hải Phòng – Hà Nội	312	III, I (một phần)	II	40-50	70	2,0-2,5	2	Nâng cấp
Kinh phí dự toán (2009): 38,2 triệu USD					Kế hoạch (VIT2): -2014				
Nguồn tài chính: Chưa cập nhật					Cơ quan thực hiện: Cục đường thủy nội địa				

Tên dự án: Nâng cấp tuyến Quảng Ninh – Phả Lại (Cấp II) (128km)	Chuyên ngành: W06
---	-----------------------------

Cơ sở và mục tiêu dự án:
Nâng cấp luồng lạch phục vụ vận chuyển nguyên vật liệu công nghiệp và các loại hàng hóa khác

Mô tả dự án:
Tuyến này đi từ cảng Hòn Gai đến cảng Phả Lại, chiều dài là 128km. Đoạn từ cảng Hòn Gai đến Cửa sông Chanh dọc theo kênh Ba Môn. Các đoạn khác đi qua sông Chanh, Đa Bạch, Phi Liệt, Kinh Thầy và Thái Bình.
Vai trò chính:

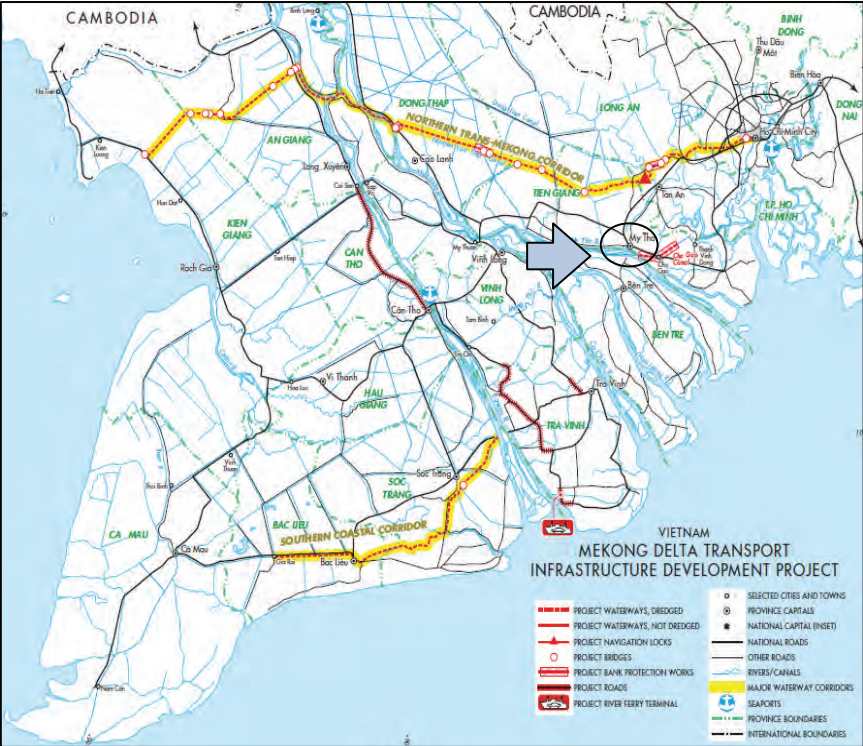
- (i) Vận chuyển hàng hóa giữa Quảng Ninh và các tỉnh khu vực phía Bắc
- (ii) Vận chuyển than cho các nhà máy nhiệt điện, phân đạm Bắc Giang, nhà máy sản xuất kính Đáp Cầu, Xi măng Hoàng Thạch, Phúc Sơn và
- (iii) Vận chuyển hàng hóa nhập khẩu qua cảng Cái Lân đi các tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang.

Mục tiêu nâng cấp kênh lên cấp 3, bề rộng 70m, độ sâu hơn



STT	Tuyến	Chiều dài (km)	Cấp		Bề rộng		Độ sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Dự kiến	Hiện tại	Dự kiến	
N3-1	Quảng Ninh – Phả Lại	128.0	Chủ yếu cấp III, một số đoạn cấp I	II	30-60	70	2,3-2,5	2	Nâng cấp

Kinh phí dự toán (2009): 29,4triệu USD	Kế hoạch dự kiến (VIT2): –2014
Nguồn tài chính: Chưa cập nhật	Cơ quan thực hiện: Cục đường thủy nội địa

<p>Tên dự án: Nâng cấp kênh Chợ Gạo</p>	<p>Chuyên ngành: W13</p>
<p>Cơ sở và mục tiêu dự án: Cải tạo chức năng kênh</p>	
<p>Mô tả dự án:</p> <p>(i) Kênh Chợ Gạo thuộc khu vực ĐBSCL.</p> <p>(ii) Cải tạo đoạn 11km trong tổng 28km kết nối các tuyến phía bắc và phía nam (bao gồm nạo vét, mở rộng, uốn đoạn cong, bảo vệ đê và nâng tĩnh không cầu)</p> 	
<p>Kinh phí dự toán (2009): 138,0 triệu USD</p>	<p>Kế hoạch (VIT2): –2015</p>
<p>Nguồn tài chính: Chưa cập nhật</p>	<p>Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa or BOT Contractor</p>

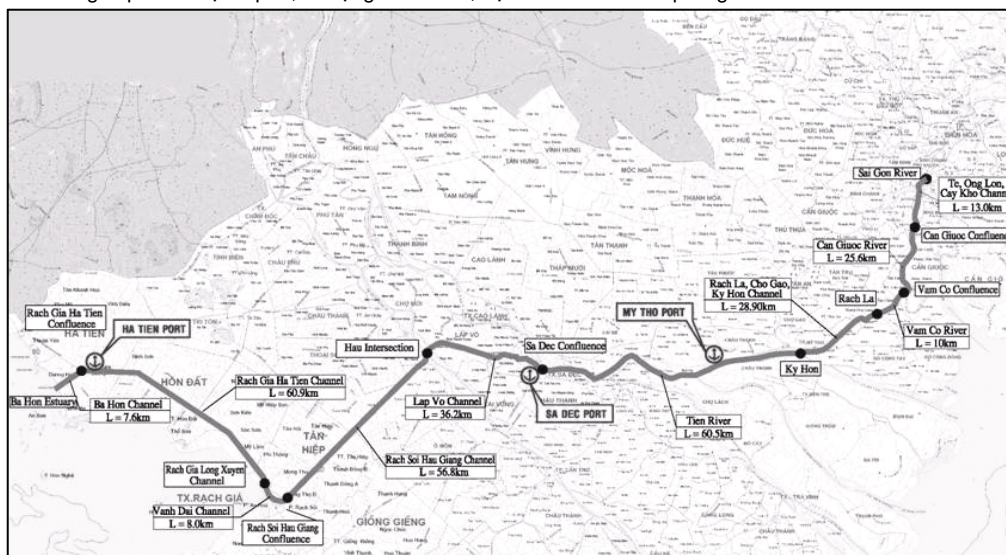
Tên dự án: Cải thiện tuyến Sài Gòn – Kiên Lương/Lấp Vò (315km)	Chuyên ngành: W14
--	-----------------------------

Cơ sở và mục tiêu dự án:
Cải tạo chức năng kênh

Mô tả dự án:

(i) Tuyến này nối Thành phố Hồ Chí Minh với khu vực biển phía Tây Ba Hòn và Hà Tiên thông qua các tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang. Tuyến này dài 315km từ kênh chợ Gạo đến sông Tiền, từ kênh Lấp Vò – Sa Đéc đến sông Hậu, Rạch Sỏi – Hậu Giang và Rạch Giá – Hà Tiên đến Hà Tiên, Kênh Ba Hòn đi Cửa Ba Hòn.

(ii) Mục tiêu nâng cấp kênh đạt cấp III, bề rộng 30 – 40m, độ sâu hơn 2.5m đáp ứng tàu 300 DWT.



STT	Tuyến	Chiều dài (km)	Cấp		Bề rộng		Độ sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Dự kiến	Hiện tại	Dự kiến	
S1-1	Sài Gòn – Kiên Lương (Kênh Lấp Vò)	315	I và II	III	16-300	30-40	1.5-1	2.5	Cải tạo: Mở rộng, nạo vét sâu và di dời chướng ngại vật

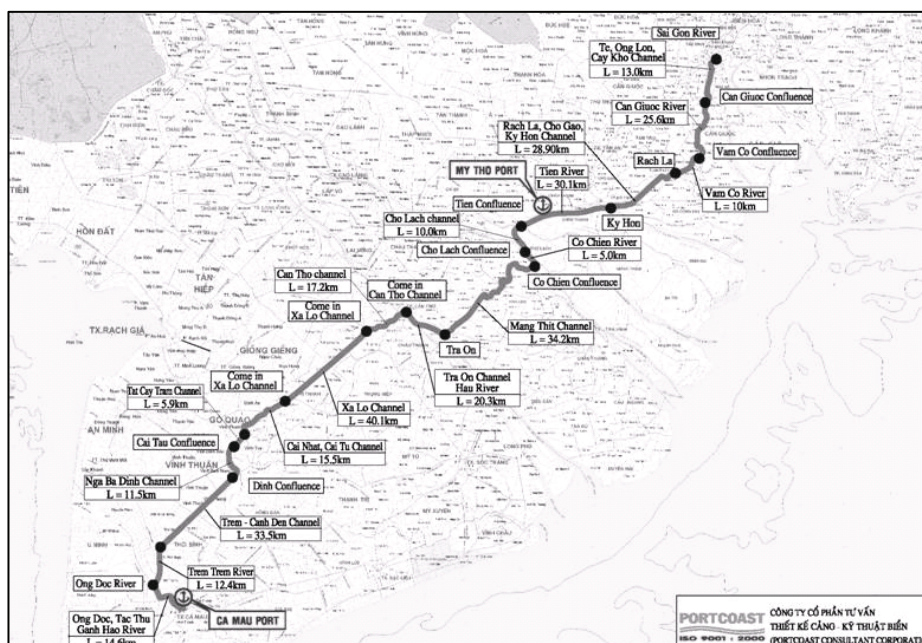
Kinh phí dự toán (2009): 72,5 triệu USD	Kế hoạch (VIT2): –2015
Nguồn tài chính: Chưa cập nhật	Cơ quan thực hiện: Cục đường thủy nội địa

Tên dự án: Cải tạo tuyến Sài Gòn – Cà Mau/Xà No (336km)	Chuyên ngành: W16
---	-----------------------------

Cơ sở và mục tiêu dự án:
Cải tạo chức năng kênh

Mô tả dự án:

- (i) Tuyến này nối Thành phố Hồ Chí Minh với Cà Mau khu vực ven biển phía Tây của Tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, Cà Mau và phía Nam Kiên Giang.
- (ii) Tuyến này dài 335,8 km và đoạn đầu đi qua kênh Chợ Gạo đến sông Tiền song song với đoạn trung tâm kinh độ 1 nối sông Tiền và sông Hậu qua kênh Chợ Lách, Măng Thít, Trà Ôn, đoạn từ sông Hậu đến khu vực ven biển phía Tây qua Cần Thơ, Xà No, Trèm – kênh Cảnh Đền, sông Gành Hào đi Cà Mau, Kênh Lương Thế Trân, Kênh Bay Hạo, thị trấn Năm Căn đến cửa Bay Hạo.
- (iii) Mục tiêu nâng cấp kênh như sau: Cấp III, bề rộng 30 – 40 m, độ sâu hơn 2,5 m.

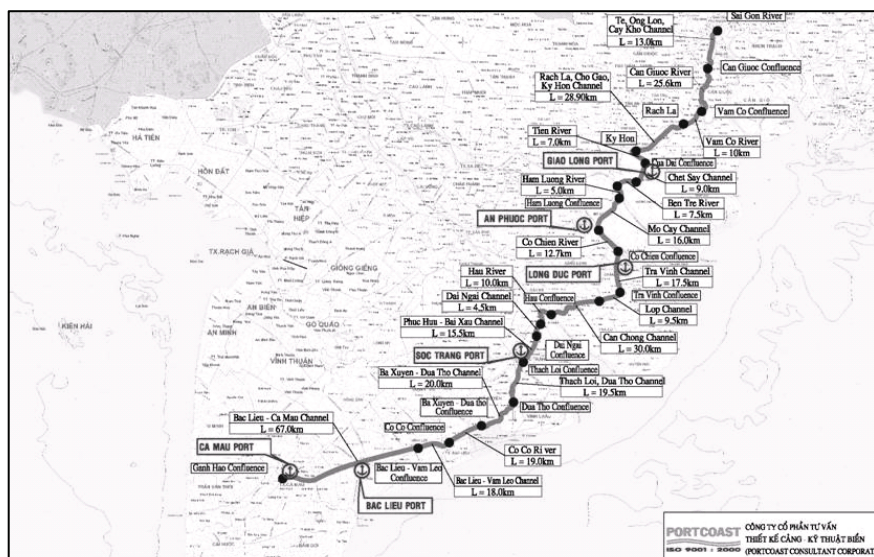


STT	Tuyến	Chiều dài (km)	Cấp		Bề rộng		Độ sâu		Chương trình ngoại vật	Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Dự kiến	Hiện tại	Dự kiến		
S2-1	Sài Gòn – Cà Mau (thông qua kênh Xà No)	336	I và II	III	22-300	30-40	2,7-6,5	2,5	Cầu	Cải tạo: Mở rộng, nạo vét sâu và di dời chương trình ngoại vật
Kinh phí dự toán (2009): 77,3 triệu USD						Kế hoạch dự kiến (VIT2): -2015				
Nguồn tài chính: Chưa cập nhật						Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa				

Tên dự án: Cải tạo tuyến ven biển Sài Gòn – Cà Mau (367km)	Chuyên ngành: W17
--	-----------------------------

Cơ sở và mục tiêu dự án:
 Kết nối thông qua mạng lưới đường thủy và đường bộ thứ cấp, khu vực kinh tế và các khu vực nghèo trên các hành lang chính.

Mô tả dự án:
 Đây là trục dọc kết nối thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh thuộc khu vực sông Tiền, sông Hậu và khu vực Đông Nam Cà Mau. Tuyến dài nhất từ Tp.HCM đi Cà Mau chạy qua các thị trấn đông dân cư như Sóc Trăng, Bạc Liêu. Tuyến chính dài 368 km, bắt đầu từ Tp.HCM đến sông Tiền, nhập vào khu vực trung tâm 2, đoạn giữa sông Tiền và sông Hậu thuộc khu vực Bến Tre, Trà Vinh dài 142km đi qua các kênh Chét Sây, Mỏ Cày, Trà Vinh, Lốp, Cầu Chông và một số đoạn sông tự nhiên khác; đoạn cuối từ sông Hậu đi Cà Mau qua kênh Đại Ngãi, Phú Hữu – Bãi Xàu, Bạc Liêu – Cà Mau. Mục tiêu nâng cấp kênh đạt cấp III, bề rộng 30 – 40m, độ sâu hơn 2,5m.



No	Tuyến	Chiều dài (km)	Cấp		Bề rộng		Độ sâu		Chương ngại vật	Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Dự kiến	Hiện tại	Mục tiêu		
S2-2	Sài Gòn – Cà Mau (ven biển)	367	I, III và IV	III	16-450	30-40	1,0-9,0	2,5	Cầu	Cải tạo: Mở rộng, nạo vét sâu và di dời chương ngại vật

Kinh phí dự toán (2009): 84,4triệu USD	Kế hoạch dự kiến (VIT2): –2020
Nguồn tài chính: Cơ quan phát triển quốc tế Úc	Cơ quan thực hiện: Cục đường thủy nội địa

Tên dự án: Nạo vét bảo trì để giảm ùn tắc		Chuyên ngành: W38										
Cơ sở và mục tiêu dự án: Do thiếu kinh phí nên việc bảo trì 130 luồng lạch các sông chỉ đạt ở mức 40%/năm. Do đó, cần phải thực hiện chương trình ứng dụng tiêu chuẩn kĩ thuật LAD vào cấp tương ứng.												
Mô tả dự án: Chi tiết chi phí dự án (triệu USD) <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 80%;">1/ Nạo vét hiện tại</td> <td style="text-align: right;">80</td> </tr> <tr> <td>2/ Duy tu đề điều</td> <td style="text-align: right;">20</td> </tr> <tr> <td>3/ Gỡ bỏ chướng ngại vật</td> <td style="text-align: right;">15</td> </tr> <tr> <td>4/ Các chi phí khác</td> <td style="text-align: right;">05</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Tổng</td> <td style="text-align: right;">120</td> </tr> </table> Đoạn: nhiều đoạn Chiều dài kênh (sông): >6,600km			1/ Nạo vét hiện tại	80	2/ Duy tu đề điều	20	3/ Gỡ bỏ chướng ngại vật	15	4/ Các chi phí khác	05	Tổng	120
1/ Nạo vét hiện tại	80											
2/ Duy tu đề điều	20											
3/ Gỡ bỏ chướng ngại vật	15											
4/ Các chi phí khác	05											
Tổng	120											
Kinh phí dự toán (2009): 120,0 triệu USD	Kế hoạch dự kiến (VIT2): -2020											
Nguồn tài chính: Chưa cập nhật	Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa											

Tên dự án: Tìm kiếm và Cứu Nạn		Chuyên ngành: W47
Cơ sở và mục tiêu dự án: Đảm bảo tàu thuyền có thể hoạt động an toàn và thuận tiện theo quy định hỗ trợ dẫn luồng mọi thời điểm. Cảng và các bến nội thủy sẽ được trang bị cơ sở thiết bị hiện đại để phục vụ hành khách an toàn thuận tiện.		
Mô tả dự án: Nâng cao tổ chức, lắp đặt hệ thống thiết bị.... (1) Đường thủy nội địa (i) Đảm bảo thông số kỹ thuật của các luồng lạch thông qua tuyến tương ứng (ii) Các biện pháp dẫn luồng an toàn trong khu vực đông đúc (iii) Lắp đặt hệ thống dẫn luồng cần thiết và thiết bị bảo trì thích hợp (2) Cảng (i) Xây dựng cơ sở thiết bị cảng đáp ứng tiêu chuẩn kết cấu và duy tu bảo dưỡng (ii) Nâng cao an toàn công trình trang thiết bị cảng cho hành khách (iii) Cải tạo các bến nội thủy để nâng cao an toàn (3) Tàu thuyền (i) Khai thác tàu thuyền đáp ứng tiêu chuẩn (ii) Tăng cường số lượng thủy thủ cần thiết (4) Tổ chức (i) Hệ thống tìm kiếm cứu nạn (ii) Số lượng đơn vị quản lý cần thiết		
Kinh phí dự toán (2009): 5,0 triệu USD	Kế hoạch dự kiến (VIT2): -2013	
Nguồn tài chính: Chưa cập nhật	Cơ quan thực hiện Cục đường thủy nội địa	

<p>Tên dự án: Cơ sở dữ liệu: Điều tra khảo sát đường sông và đăng ký tàu thuyền hoạt động</p>	<p>Chuyên ngành: W52</p>
<p>Cơ sở và mục tiêu dự án: Hiện tại rất khó để xác định số lượng tàu thuyền hoạt động trên đường thủy nội địa ở Việt Nam ho hệ thống pháp chế và đăng ký còn nhiều yếu kém.</p>	
<p>Mô tả dự án:</p> <p>(i) Tư cách chủ sở hữu và trách nhiệm pháp lí đã quá hạn khi các tàu bè được bán hoặc chuyển nhượng. (ii) Vấn đề trên dẫn đến khó khăn trong việc triển khai các tiêu chuẩn về an toàn và luồng lạch. Cần phải lập quỹ duy tu bảo trì luồng lạch thông qua phí đăng kí hoạt động của các tàu thuyền. (iii) Tiến hành điều tra khảo sát thường xuyên về sông ngòi và cảng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập cơ sở thông tin dữ liệu hiện có • Hướng dẫn ban hành quy định hoặc hạn chế luồng lạch • Xác nhận số lượng công trình cần sửa chữa và duy tu bảo dưỡng • Lên kế hoạch các dự án tương lai. Khác với đường bộ, tình trạng các đoạn tuyến đường thủy nội địa rất khó xác định. <p>Do không có thông tin đầy đủ về điều kiện các đoạn tuyến sông, nên chưa thể xác định mức độ cũng như phương pháp duy tu bảo dưỡng cho các đoạn tuyến đường thủy nội địa.</p>	
<p>Kinh phí dự toán (2009): 20,0 triệu USD</p>	<p>Kế hoạch (VIT2): -2020</p>
<p>Nguồn tài chính: Hỗ trợ kĩ thuật không hoàn lại; Nguồn vốn ODA cho huấn luyện đào tạo, lắp đặt hệ thống</p>	<p>Cơ quan thực hiện Chưa cập nhật</p>